

**ỦY BAN CHỈ ĐẠO QUỐC GIA
VỀ THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC
PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG
KINH TẾ BIỂN VIỆT NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /QĐ-UBCĐQG

Hà Nội, ngày tháng năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành Quy chế hoạt động của Ủy ban chỉ đạo quốc gia
về thực hiện Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển
Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045**

CHỦ TỊCH ỦY BAN CHỈ ĐẠO QUỐC GIA

Căn cứ Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 22 tháng 10 năm 2018 của Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 34/2007/QĐ-TTg ngày 12 tháng 3 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế thành lập, tổ chức và hoạt động của tổ chức phối hợp liên ngành;

Căn cứ Quyết định số 203/QĐ-TTg ngày 06 tháng 02 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Ủy ban chỉ đạo quốc gia về thực hiện Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Xét đề nghị của Phó Chủ tịch thường trực Ủy ban chỉ đạo quốc gia về thực hiện Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 - Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế hoạt động của Ủy ban chỉ đạo quốc gia về thực hiện Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc

Trung ương có biển và các thành viên Ủy ban chỉ đạo quốc gia chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Tỉnh ủy, HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có biển;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Các thành viên Ủy ban chỉ đạo quốc gia;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ: NC, QHQT, QHĐP, Công báo;
- Lưu: VT, UBCĐQG (2b). 216

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

**BỘ TRƯỞNG
BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
Trần Hồng Hà**

QUY CHẾ

HOẠT ĐỘNG CỦA ỦY BAN CHỈ ĐẠO QUỐC GIA
VỀ THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG
KINH TẾ BIỂN VIỆT NAM ĐẾN NĂM 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2045
(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBCDQG ngày tháng năm 2020
của Chủ tịch Ủy ban chỉ đạo quốc gia về thực hiện Chiến lược phát triển bền vững
kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này quy định về nguyên tắc hoạt động, nhiệm vụ, quyền hạn, chế độ làm việc và quan hệ công tác của Ủy ban chỉ đạo quốc gia về thực hiện Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 (sau đây gọi tắt là Ủy ban) được thành lập theo Quyết định số 203/QĐ-TTg ngày 06 tháng 02 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ.

2. Quy chế này áp dụng đối với các thành viên Ủy ban; Cơ quan thường trực Ủy ban và Văn phòng Cơ quan thường trực Ủy ban; các cơ quan, tổ chức có đại diện là thành viên của Ủy ban và các cơ quan, tổ chức liên quan.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động

1. Ủy ban làm việc theo nguyên tắc tập trung thống nhất, đề cao trách nhiệm cá nhân. Lãnh đạo Ủy ban quyết định các vấn đề thông qua các hình thức tổ chức họp Ủy ban hoặc lấy ý kiến và báo cáo bằng văn bản.

2. Chủ tịch Ủy ban ủy quyền Phó Chủ tịch thường trực Ủy ban hoặc người được Chủ tịch Ủy ban ủy quyền giải quyết các vấn đề của Ủy ban. Các thành viên Ủy ban làm việc theo Quy chế này và thực hiện nhiệm vụ do Chủ tịch Ủy ban phân công, chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban về phần việc được phân công hoặc ủy quyền, các nhiệm vụ khác theo chỉ đạo của Chủ tịch Ủy ban.

3. Bảo đảm sự phối hợp thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các bộ, ngành, địa phương với Ủy ban trong việc thực hiện Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 (sau đây gọi tắt là Chiến lược).

4. Giải quyết công việc đúng phạm vi thẩm quyền và trách nhiệm được phân công, đúng trình tự, thủ tục theo các quy định của pháp luật, bảo đảm kịp thời, chất lượng và hiệu quả.

Chương II **NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN** **CỦA ỦY BAN, CÁC THÀNH VIÊN ỦY BAN**

Điều 3. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban, Thường trực Ủy ban

1. Chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Ủy ban được quy định tại Quyết định số 203/QĐ-TTg ngày 06 tháng 02 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Ủy ban chỉ đạo quốc gia về thực hiện Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

2. Thường trực Ủy ban gồm có Chủ tịch và các Phó Chủ tịch Ủy ban, các Ủy viên là đại diện lãnh đạo Văn phòng Chính phủ, các Bộ: Ngoại giao, Quốc phòng, Công an xem xét, giải quyết các vấn đề quan trọng, cấp bách và những nội dung giữa hai kỳ họp của Ủy ban.

Điều 4. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Ủy ban

1. Chịu trách nhiệm trước Chính phủ về toàn bộ hoạt động của Ủy ban.

2. Chỉ đạo, điều hành hoạt động của Ủy ban; phân công nhiệm vụ cho các Phó Chủ tịch và các thành viên. Trong trường hợp cần thiết, Chủ tịch Ủy ban triệu tập các Phó Chủ tịch và thành viên khác theo yêu cầu để trao đổi, thống nhất giải quyết các vấn đề quan trọng, cấp bách.

3. Phê duyệt chương trình, kế hoạch công tác, nhiệm vụ, dự án, đề án của Ủy ban; quyết định triệu tập và chủ trì các cuộc họp của Ủy ban.

4. Khen thưởng theo thẩm quyền cho các tổ chức, cá nhân có thành tích xuất sắc trong thực hiện Chiến lược.

5. Chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc các bộ, ngành, địa phương có liên quan trong việc xây dựng và tổ chức thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ, chương trình, đề án, dự án được giao; định kỳ báo cáo Chính phủ kết quả thực hiện Chiến lược và những vấn đề phát sinh vượt quá thẩm quyền của Ủy ban.

6. Quyết định thành lập hoặc ủy quyền cho Cơ quan thường trực Ủy ban thành lập các đoàn công tác liên ngành đi làm việc, kiểm tra tình hình thực hiện Chiến lược, nghiên cứu, khảo sát trong và ngoài nước theo kế hoạch hoạt động của Ủy ban hoặc căn cứ tình hình thực tế theo đề xuất của Bộ Tài nguyên và Môi trường hoặc Văn phòng Cơ quan thường trực Ủy ban để thực hiện các nhiệm vụ Chiến lược.

7. Ban hành, sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Ủy ban.

8. Quyết định mời các chuyên gia, nhà khoa học tham gia thành viên Ủy ban; xem xét, phê duyệt kiến toàn Ủy ban.

Điều 5. Nhiệm vụ, quyền hạn của các Phó Chủ tịch Ủy ban

1. Thay mặt Chủ tịch Ủy ban giải quyết công việc theo ủy quyền của Chủ tịch Ủy ban. Các Phó Chủ tịch chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban về các nhiệm vụ được Chủ tịch phân công; giúp Chủ tịch xây dựng chương trình, kế hoạch công tác, tổ chức thực hiện, kiểm tra, đôn đốc các nhiệm vụ của Ủy ban thuộc lĩnh vực được phân công.

2. Phó Chủ tịch thường trực là Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường

a) Giúp Chủ tịch Ủy ban trực tiếp chỉ đạo, điều phối các hoạt động của Ủy ban trong quá trình triển khai thực hiện Chiến lược trên phạm vi cả nước.

b) Chủ trì các cuộc họp của Ủy ban theo sự ủy quyền của Chủ tịch.

c) Tham mưu giúp Chủ tịch Ủy ban đề xuất Chính phủ ban hành bổ sung các cơ chế, chính sách đảm bảo đủ cơ sở pháp lý để triển khai kế hoạch thực hiện Chiến lược.

d) Giúp Chủ tịch Ủy ban tổ chức kiểm tra và đôn đốc các bộ, ngành, địa phương trong việc triển khai thực hiện Chiến lược; các nhiệm vụ, chương trình, đề án, dự án được giao.

đ) Trực tiếp chỉ đạo các hoạt động của Cơ quan thường trực Ủy ban, Văn phòng Cơ quan thường trực Ủy ban.

e) Chỉ đạo và tổ chức thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ trong Chiến lược do Bộ Tài nguyên và Môi trường chủ trì.

g) Tham mưu giúp Chủ tịch Ủy ban quyết định khen thưởng cho các tổ chức, cá nhân có thành tích xuất sắc trong thực hiện Chiến lược

h) Định kỳ, đột xuất báo cáo Chủ tịch Ủy ban về các nhiệm vụ được giao.

i) Thực hiện các nhiệm vụ khác của Ủy ban theo phân công của Chủ tịch Ủy ban.

3. Phó Chủ tịch là Bộ trưởng Bộ Tài chính

a) Giúp Chủ tịch Ủy ban chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan đề xuất, rà soát, sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật thuộc lĩnh vực quản lý, hướng dẫn quản lý chặt chẽ và hiệu quả kinh phí phục vụ triển khai thực hiện các nhiệm vụ của Chiến lược.

b) Chỉ đạo và tổ chức nghiên cứu, rà soát, đề xuất xây dựng, hoàn thiện chế độ, quy định tài chính cho các nhiệm vụ, chương trình, đề án, dự án về phát triển bền vững kinh tế biển, đảm bảo sự phù hợp và đồng bộ với các chính sách tài chính trong nước và quốc tế.

c) Thực hiện các nhiệm vụ khác của Ủy ban theo phân công của Chủ tịch Ủy ban.

4. Phó Chủ tịch là Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư

a) Giúp Chủ tịch Ủy ban chủ trì, xem xét, thẩm tra và bố trí nguồn lực để thực hiện có hiệu quả các chương trình, đề án, dự án, nhiệm vụ triển khai Chiến lược; tham mưu, đề xuất các giải pháp về đầu tư, hoàn thiện cơ sở hạ tầng, quy hoạch, kế hoạch phục vụ phát triển bền vững kinh tế biển.

b) Thực hiện các nhiệm vụ khác của Ủy ban theo phân công của Chủ tịch Ủy ban.

Điều 6. Nhiệm vụ, quyền hạn của các Ủy viên

1. Thay mặt Chủ tịch Ủy ban giải quyết công việc theo ủy quyền của Chủ tịch Ủy ban. Chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban về các nhiệm vụ được Chủ tịch phân công.

2. Chỉ đạo, theo dõi, giám sát tiến độ và kết quả thực hiện các nhiệm vụ của Chiến lược đã được giao cho bộ, ngành và địa phương được phân công quản lý và các nhiệm vụ được giao theo Nghị quyết số 26/NQ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2020 của Chính phủ ban hành Kế hoạch tổng thể và kế hoạch 5 năm của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW.

3. Phối hợp thực hiện các nhiệm vụ Chiến lược liên ngành, liên tỉnh liên quan đến phát triển bền vững kinh tế biển, phát hiện những vấn đề, nhiệm vụ mới phát sinh liên quan đến công tác quản lý thuộc lĩnh vực các Bộ, ngành, địa phương được phân công quản lý và đề xuất biện pháp giải quyết với Chủ tịch Ủy ban.

4. Tham mưu cho Chủ tịch Ủy ban về các vấn đề quan trọng có liên quan đến Chiến lược.

5. Tham dự đầy đủ các phiên họp của Ủy ban; cùng tập thể Ủy ban xem xét, quyết định các vấn đề liên quan đến hoạt động của Ủy ban; chịu trách nhiệm trong việc triển khai thực hiện các ý kiến kết luận của Chủ tịch Ủy ban liên quan đến lĩnh vực các bộ, ngành, địa phương được phân công quản lý.

Trong trường hợp không thể tham dự các cuộc họp của Ủy ban phải có ủy quyền cho người dự họp thay và chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban về các nhiệm vụ được phân công.

6. Đề xuất khen thưởng cho các tổ chức, cá nhân có thành tích xuất sắc trong thực hiện Chiến lược.

7. Thực hiện các nhiệm vụ khác của Ủy ban theo phân công của Chủ tịch Ủy ban.

8. Các Ủy viên là Thường trực Ủy ban, ngoài các nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7 Điều này còn có trách nhiệm tham dự các cuộc họp đột xuất do Chủ tịch Ủy ban triệu tập để xem xét, giải quyết các vấn đề quan trọng, cấp bách và những nội dung giữa hai kỳ họp của Ủy ban.

Điều 7. Nhiệm vụ, quyền hạn của Cơ quan thường trực Ủy ban - Bộ Tài nguyên và Môi trường

1. Cơ quan thường trực Ủy ban - Bộ Tài nguyên và Môi trường có nhiệm vụ, quyền hạn:

a) Xây dựng chương trình, kế hoạch công tác của Ủy ban, tổ chức thực hiện sau khi được phê duyệt; đầu mối tổng hợp, phối hợp để hướng dẫn chính sách, văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến Chiến lược; đầu mối tổng hợp, phối hợp công việc giữa các thành viên Ủy ban và các bộ, ngành, địa phương liên quan.

b) Giúp Ủy ban tổ chức kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Chiến lược; theo dõi, kiểm tra tình hình thực hiện và đánh giá kết quả các nhiệm vụ, dự án đã được phê duyệt; xây dựng báo cáo kết quả công tác định kỳ, hằng năm hoặc đột xuất của Ủy ban.

c) Thực hiện nhiệm vụ phát ngôn của Ủy ban theo ủy quyền của Chủ tịch Ủy ban và cung cấp thông tin cho báo chí theo quy định của pháp luật.

d) Tham mưu, giúp Ủy ban phối hợp với các bộ, ngành, địa phương liên quan xây dựng, tổng hợp nhu cầu nguồn lực thực hiện Kế hoạch tổng thể và kế hoạch 5 năm của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW, Chương trình trọng điểm điều tra cơ bản tài nguyên, môi trường biển và hải đảo đến năm 2030 và các chiến lược, chương trình, đề án, dự án, nhiệm vụ khác triển khai Chiến lược; lồng ghép vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và kế hoạch đầu tư, ngân sách của các Bộ, ngành, địa phương.

đ) Tham mưu, giúp Ủy ban tổ chức hội thảo, hội nghị sơ kết, tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện Chiến lược.

e) Tham mưu trình Ủy ban đề xuất cơ chế, chính sách và các giải pháp thực hiện Chiến lược.

g) Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương có liên quan đề xuất, trình Chủ tịch Ủy ban phê duyệt các chương trình, dự án, đề án, các nhiệm vụ thực hiện Chiến lược mang tính liên vùng, liên ngành, liên tỉnh.

h) Rà soát, tham mưu trình Chủ tịch Ủy ban quyết định kiện toàn Ủy ban phù hợp với tình hình thực tế.

i) Tiếp nhận, xử lý, lưu trữ, cung cấp tư liệu, tài liệu phục vụ cho các hoạt động của Ủy ban.

k) Huy động nguồn lực trong nước và quốc tế, tiếp nhận, quản lý và sử dụng kinh phí hoạt động thường xuyên hằng năm của Ủy ban theo quy định của pháp luật.

l) Thực hiện các nhiệm vụ khác theo phân công của Chủ tịch Ủy ban.

2. Cơ quan thường trực Ủy ban có Văn phòng giúp việc đặt tại Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam trực thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường. Chức năng,

nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Văn phòng do Phó Chủ tịch thường trực Ủy ban - Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định.

Chương III

CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC VÀ QUAN HỆ CÔNG TÁC

Điều 8. Các cuộc họp của Ủy ban

1. Ủy ban họp định kỳ mỗi năm một lần trước kỳ họp của Chính phủ xem xét, quyết định Kế hoạch và dự toán ngân sách của năm kế hoạch kế tiếp (dự kiến vào tháng 9 hằng năm) để xem xét, quyết định tổng thể các vấn đề có liên quan và họp chuyên đề. Trong trường hợp cần thiết, Chủ tịch Ủy ban quyết định triệu tập họp đột xuất. Thành phần cuộc họp do Chủ tịch Ủy ban quyết định, có thể triệu tập cuộc họp mở rộng có sự tham gia của người đứng đầu cơ quan chủ trì thực hiện các nhiệm vụ, chương trình, đề án, dự án về phát triển bền vững kinh tế biển.

2. Thường trực Ủy ban định kỳ mỗi năm họp ít nhất 02 lần và đột xuất khi cần thiết theo triệu tập của Chủ tịch Ủy ban. Thành phần cuộc họp do Chủ tịch Ủy ban quyết định; định kỳ 05 năm hai lần tổ chức Diễn đàn phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam để kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện các giải pháp đã đề ra từ diễn đàn lần trước và thảo luận, đề xuất các định hướng chiến lược, giải pháp mới với kết quả và thời hạn hoàn thành cụ thể theo yêu cầu của Ủy ban chỉ đạo quốc gia.

3. Cuộc họp của Ủy ban có thể tổ chức bằng hình thức trực tuyến, do Chủ tịch Ủy ban quyết định. Kết luận của Chủ tịch Ủy ban được thể hiện bằng thông báo của Cơ quan thường trực Ủy ban - Bộ Tài nguyên và Môi trường; kết luận của người được Chủ tịch Ủy ban ủy quyền chủ trì cuộc họp được thể hiện bằng thông báo của cơ quan người được ủy quyền công tác.

4. Cơ quan thường trực Ủy ban phối hợp với Văn phòng Chính phủ chuẩn bị nội dung, chương trình và các điều kiện cần thiết cho cuộc họp của Ủy ban, Thường trực Ủy ban; gửi tài liệu đến các đại biểu tham dự cuộc họp trước ít nhất 05 ngày làm việc.

Điều 9. Chế độ làm việc và cơ chế phối hợp

1. Các thành viên Ủy ban làm việc theo chế độ kiêm nhiệm, có trách nhiệm tham dự đầy đủ các cuộc họp của Ủy ban và chuẩn bị nội dung báo cáo phần việc được phân công. Trường hợp vắng mặt cuộc họp của Ủy ban, thành viên Ủy ban có trách nhiệm báo cáo Chủ tịch Ủy ban và cử người có trách nhiệm dự họp thay để báo cáo kết quả thực hiện phần việc được phân công.

2. Chủ tịch, các Phó Chủ tịch định kỳ hoặc đột xuất làm việc với các thành viên Ủy ban, Cơ quan thường trực Ủy ban để nghe báo cáo tình hình và chỉ đạo việc thực hiện chương trình, kế hoạch công tác của Ủy ban.

3. Trong quá trình hoạt động, các thành viên Ủy ban chủ động và tích cực phối hợp chặt chẽ, hiệu quả với nhau và với Cơ quan thường trực Ủy ban thông qua các phương thức gửi công văn, thư điện tử, tổ chức họp, trao đổi, phối hợp qua điện thoại, trao đổi trực tuyến, chia sẻ, cập nhật thông tin có liên quan đến tổ chức thực hiện các chương trình, đề án, dự án, nhiệm vụ triển khai Chiến lược, thành lập các đoàn, tổ công tác phối hợp.

4. Các thành viên Ủy ban có trách nhiệm giao các cơ quan, đơn vị thuộc lĩnh vực mình quản lý làm đầu mối phối hợp với Văn phòng Cơ quan thường trực Ủy ban thực hiện các nhiệm vụ của Ủy ban tại bộ, ngành và địa phương mình; báo cáo Chủ tịch Ủy ban về việc thực hiện các nhiệm vụ được phân công.

Điều 10. Chế độ thông tin, báo cáo

1. Các thành viên Ủy ban báo cáo Chủ tịch Ủy ban theo các hình thức: báo cáo trực tiếp, báo cáo bằng văn bản hoặc điện tử, báo cáo thông qua các cuộc họp định kỳ và đột xuất. Nội dung báo cáo gồm những vấn đề sau:

a) Tình hình thực hiện những công việc thuộc lĩnh vực được phân công phụ trách.

b) Nội dung và kết quả các hội nghị, cuộc họp khi được Chủ tịch Ủy ban ủy quyền tham dự hoặc chỉ đạo các hội nghị, cuộc họp đó.

c) Kết quả làm việc và những kiến nghị của các bộ, ngành, địa phương.

d) Báo cáo các nội dung khác theo yêu cầu của Chủ tịch Ủy ban.

2. Các bộ, ngành, địa phương chủ trì thực hiện nhiệm vụ, chương trình, đề án, dự án chịu trách nhiệm thực hiện chế độ báo cáo theo quy định.

a) Nội dung báo cáo cần phân tích, đánh giá, tổng kết việc triển khai thực hiện Chiến lược; phân tích nguyên nhân khách quan, chủ quan ảnh hưởng đến thực hiện Chiến lược; báo cáo cần kịp thời, phản ánh đầy đủ quá trình thực hiện nhiệm vụ và kết quả đạt được.

b) Thời gian báo cáo: Báo cáo định kỳ hằng năm trước tháng 12 của năm báo cáo; báo cáo đột xuất theo yêu cầu.

3. Cơ quan thường trực Ủy ban có trách nhiệm tổng hợp, đôn đốc, xây dựng báo cáo định kỳ (quý, 06 tháng, năm, báo cáo tổng kết) và đột xuất về hoạt động của Ủy ban để báo cáo Chủ tịch Ủy ban.

Chương IV TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 11. Kinh phí hoạt động

Kinh phí hoạt động của Ủy ban và Văn phòng Cơ quan thường trực Ủy ban được bố trí trong kinh phí hoạt động thường xuyên của Bộ Tài nguyên và

Môi trường và huy động từ các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật. Các thành viên Ủy ban được sử dụng kinh phí, cán bộ, phương tiện, các trang thiết bị do đơn vị mình quản lý để thực hiện các nhiệm vụ được giao.

Điều 12. Tổ chức thực hiện

1. Chủ tịch, các Phó Chủ tịch Ủy ban có trách nhiệm tổ chức, chỉ đạo các thành viên Ủy ban thực hiện Quy chế này.

2. Bộ Tài nguyên và Môi trường - Cơ quan thường trực Ủy ban chịu trách nhiệm theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Quy chế.

3. Trong quá trình thực hiện Quy chế hoạt động của Ủy ban có những vấn đề phát sinh hoặc cần sửa đổi, bổ sung, do Chủ tịch Ủy ban xem xét, quyết định.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

**BỘ TRƯỞNG
BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
Trần Hồng Hà**